TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Mạnh Dũng.

2. Ông Triệu Tiến Lả.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/HNGĐ-QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị L, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị La Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị L kết hôn với anh Hoàng Văn Đ vào năm 2009; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Đến năm 2015, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do anh Hoàng Văn Đ thường xuyên đánh bạc, uống rượu về đánh đập chị La Thị L. Tháng 11 năm 2016 anh Hoàng Văn Đ phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án 07 năm tù. Trong thời gian anh Hoàng Văn Đ chấp hành án, một mình chị La Thị L vừa đi làm kiếm tiền vừa nuôi con. Đến ngày 24/4/2022 anh Hoàng Văn Đ chấp hành án xong trở về địa phương vẫn không tu chí làm ăn. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị La Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Có một người con chung tên là Hoàng Tường V, sinh ngày 28/9/2010. Khi ly hôn, chị La Thị L yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không yêu cầu anh Hoàng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Hoàng Văn Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện Thôn N, xã H, huyện B và Công an xã H, huyện B đều khẳng định từ tháng 4/2022 anh Hoàng Văn Đ chấp hành án xong trở về sinh sống tại địa phương, có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã H, huyện B và không có nghề nghiệp. Tòa án đã tiến hành giao các giấy triệu tập, thông báo đến tận tay cho anh Hoàng Văn Đ thông qua Ủy ban nhân dân xã H và có biên bản giao nhận, niêm yết các văn bản tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Hoàng Văn Đ không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị La Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị La Thị L đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do

vậy, anh Hoàng Văn Đ không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La Thị L. Về con chung: Giao cháu Hoàng Tường V, sinh ngày 28/9/2010 cho chị La Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị La Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị La Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn Đ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị La Thị L và anh Hoàng Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị L và anh Hoàng Văn Đ là hợp pháp. Nguyên đơn chị La Thị L trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, anh Hoàng Văn Đ thường xuyên uống rượu, đánh bạc, vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị La Thị L và anh Hoàng Văn Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị La Thị L yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một người con chung tên là Hoàng Tường V, sinh ngày 28/9/2010. Hội đồng xét xử qua xác minh hiện nay anh Hoàng Văn Đ không có công việc, không có thu nhập; chị La Thị L là công nhân làm Công ty tại Thái

Nguyên có thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng - 9.000.000đồng và cháu Hoàng Tường V có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ. Vì vậy, giao cháu Hoàng Tường V cho chị La Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Chị La Thị L không yêu cầu anh Hoàng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị La Thị L trình bày là không có; trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn Đ vắng mặt không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị La Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị La Thị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005562 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị La Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Tường V, sinh ngày 28/9/2010 cho chị La Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị La Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị La Thị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005562 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị La Thị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hiệt